

Bản án số: 02/2025/HNGĐ-ST

Ngày 16 - 01 - 2025

“V/v Ly hôn có yếu tố nước ngoài”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phúc An Hoàn,

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Thanh và bà Nguyễn Thị Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nam, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Ma Thị Thắm, Kiểm sát viên.

Ngày 16/01/2025, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 29/2025/TLST - HNGĐ, ngày 16 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn có yếu tố nước ngoài”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12/12/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2024/QĐST-HNGĐ ngày 30/12/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hứa Thị N, sinh năm 1994; Nơi ĐKKHKT: Thôn T, xã H, huyện C, tỉnh Tuyên Quang; Hiện đang sinh sống làm việc tại Đài Loan, Trung Quốc. *Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

Người đại diện theo ủy quyền giao, nhận tài liệu, chứng cứ cho nguyên đơn: Ông Phạm Tiến Đ, sinh năm 1999; Địa chỉ: Số B, ngõ D, phố D, phường M, quận C, thành phố Hà Nội. *Vắng mặt.*

Bị đơn: Anh Đinh Văn N1, sinh năm 1990; Nơi ĐKKHKT: Thôn T, xã H, huyện C, tỉnh Tuyên Quang; Hiện đang sinh sống làm việc tại Đài Loan, Trung Quốc. *Vắng mặt.*

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Đinh Công V, sinh năm 1961 và bà Hoàng Thị B, sinh năm 1965; Cùng địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. *Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Hứa Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đinh Văn N1, sinh ngày 14/10/1990 căn cước công dân số 008090004319; Nơi thường trú: Thôn K (nay là thôn T), xã H, huyện C, tỉnh Tuyên Quang kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn số 61/2013 tại UBND xã H, huyện C, tỉnh Tuyên Quang ngày 28 tháng 11

năm 2013. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng sống bình thường nhưng do điều kiện kinh tế khó khăn nên chị và anh N1 phải đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Sau khi đi xuất khẩu vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi, mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách vợ chồng không còn hòa hợp, không tìm được tiếng nói chung nên đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Chị và anh N1 đã nhiều lần nói chuyện để hàn gắn, hai bên gia đình khuyên bảo nhưng không thành. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang giải quyết ly hôn giữa chị và anh Đinh Văn N1.

Về con chung: Chị và anh Đinh Văn N1 có một con chung là cháu Đinh Đức T, sinh ngày 20/01/2015. Hiện cháu T đang ở với ông nội là Đinh Công V và bà nội là Hoàng Thị B tại thôn T, xã H, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Khi ly hôn chị đề nghị Tòa án lấy ý kiến của cháu T xem cháu muốn ở với ai và giải quyết theo quy định của pháp luật. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết đề nghị cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai chị N trình bày do công việc làm ở xa, không xin nghỉ được nên chị xin vắng mặt tại các buổi làm việc, phiên họp, phiên tòa xét xử giữa chị và anh Đinh Văn N1.

Bị đơn anh Đinh Văn N1 đang ở Đài Loan nhưng không rõ địa chỉ:

Tòa án tiến hành niêm yết tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, nơi người thân thích của anh N1 cư trú và tổng đạt văn bản tố tụng của Tòa án cho anh N1 thông qua ông Đinh Công V, bà Hoàng Thị B (bố mẹ đẻ anh N1); Cùng địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

Đồng thời, Tòa án tiến hành xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ:

Tại Công văn số 1191/PA08 - Đ1 ngày 08/10/2024 của Phòng Q Công an tỉnh T có thông tin: Anh Đinh Văn N1, sinh ngày 14/10/1990, căn cước công dân số 008090004319, HKTT: xã H, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, hộ chiếu gần nhất số C9089399 xuất cảnh lần gần nhất ngày 24/6/2020 (10:44:47) tại Sân bay quốc tế N, hiện chưa nhập cảnh lại Việt Nam.

Theo biên bản xác minh ông Đinh Văn T1 - Phó Trưởng thôn Thác Lụa, xã H trình bày: Anh Đinh Văn N1 là công dân thôn T, xã H, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Năm 2013 anh N1 và chị N đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn anh chị sống cùng ông Đinh Công V, bà Hoàng Thị B (bố mẹ đẻ anh N1) tại địa phương. Trong quá trình chung sống không xảy ra mâu thuẫn về thôn, xã phải can thiệp, hòa giải. Năm 2019 chị N xuất khẩu lao động sang Đài Loan, đến năm 2020 anh N1 cũng sang Đài Loan lao động. Hiện nay anh

chị đều không có mặt tại địa phương, nguyên nhân anh chị mâu thuẫn thôn không nắm được.

Chị N và anh N1 có một con chung là cháu Đinh Đức T, sinh ngày 20/01/2015. Hiện cháu T đang ở với ông nội là Đinh Công V và bà nội là Hoàng Thị B tại thôn T, xã H, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Anh chị có tài sản chung, vay nợ chung, cho vay chung hay không thôn không nắm được.

Theo biên bản xác minh, bản tự khai ông Đinh Công V, bà Hoàng Thị B cùng có ý kiến như sau:

Năm 2013 anh N1 và chị N đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn anh chị chung sống bình thường, hạnh phúc. Năm 2019 chị N xuất khẩu lao động sang Đài Loan, đến năm 2020 anh N1 cũng sang Đài Loan lao động. Ông bà biết anh chị làm cách nhau 40km nên ít dành thời gian cho nhau dẫn đến tranh cãi, mâu thuẫn.

Anh chị có một con chung là cháu Đinh Đức T, sinh ngày 20/01/2015, đang học lớp 4 tại Trường Tiểu học H (xã H, huyện C, tỉnh Tuyên Quang). Hiện cháu T đang do ông V, bà B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Trong trường hợp anh N1, chị N ly hôn ông bà nhận trách nhiệm tiếp tục chăm sóc cháu T đến khi bố mẹ cháu về Việt Nam và không yêu cầu cấp dưỡng, do anh N1, chị N tự nguyện hỗ trợ.

Anh N1, chị N không có tài sản chung, vay nợ chung.

Trong quá trình lao động ở nước ngoài anh N1 vẫn thường xuyên gọi về nhưng ông bà không biết địa chỉ cụ thể của anh N1 tại Đài Loan. Ngay sau khi nhận được văn bản của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang ông bà đã thông báo cho anh N1 bằng cách chụp ảnh gửi qua Z, M và anh N1 có ý kiến tình cảm không cưỡng ép, nếu chị N muốn ly hôn anh N1 cũng nhất trí ly hôn.

Tại bản tự khai cháu Đinh Đức T trình bày: Cháu Đinh Đức T, sinh ngày 20/01/2015, cháu T là con của bố Đinh Văn N1 và mẹ Hứa Thị N. Hiện cháu T đang học ở trường tiểu học H. Cháu đang ở cùng ông V, bà B (ông bà nội) tại thôn T, xã H, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Nếu bố N1, mẹ N ly hôn cháu T muốn ở với bố, nhưng hiện nay bố N1 đang lao động ở nước ngoài nên cháu T đồng ý ở với ông V, bà B đến khi bố N1 về nước.

Do anh Đinh Văn N1 và chị Hứa Thị N đều đang ở nước ngoài và ông Đinh Công V, bà Hoàng Thị B có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên căn cứ Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến phiên tòa. Nguyên đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã có đơn xin xét xử

vắng mặt; bị đơn ở nước ngoài không rõ địa chỉ Tòa án đã tổng đạt văn bản cho người thân thích và thực hiện niêm yết theo quy định. Vì vậy, căn cứ Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, việc xét xử vắng mặt chị Hứa Thị N, anh Đinh Văn N1, ông Đinh Công V, bà Hoàng Thị B phù hợp theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ có đủ cơ sở xác định cuộc sống vợ chồng của chị Hứa Thị N và anh Đinh Văn N1 đã phát sinh mâu thuẫn, gia đình đã nhiều lần khuyên can hòa giải nhưng không được, không có khả năng đoàn tụ. Vì vậy, căn cứ Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 38, khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147; Điều 179; các khoản 2, 4 Điều 207; các Điều 228, 238; 271, 273; điểm d khoản 1 Điều 469; các Điều 474, 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH1430/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hứa Thị N, cho chị Hứa Thị N được ly hôn với anh Đinh Văn N1.

Về con chung: Giao cháu Đinh Đức T cho anh Đinh Văn N1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau ly hôn đến khi đủ 18 tuổi. Chị Hứa Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung khi ly hôn. Do hiện nay anh Đinh Văn N1 đang lao động ở nước ngoài nên tạm giao cháu Đinh Đức T cho ông Đinh Công V và bà Hoàng Thị B chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi anh N1 về Việt Nam như đề nghị của cháu Đinh Đức T và các đương sự trong vụ án.

Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị Hứa Thị N xác định không có, không đề nghị giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị Hứa Thị N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Hứa Thị N đã nộp, chị N đã nộp đủ án phí. Anh Đinh Văn N1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo bản án: Chị Hứa Thị N, anh Đinh Văn N1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Ông Đinh Công V và bà Hoàng Thị B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và các chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Anh Đinh Văn N1 và chị Hứa Thị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 28/11/2013

tại UBND xã H, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đây là hôn nhân hợp pháp. Tranh chấp giữa chị N và anh N1 là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 38 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị N có đơn xin ly hôn anh N1; cả hai anh chị đều có quốc tịch Việt Nam nhưng hiện tại đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan. Vì vậy, việc giải quyết ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt của các đương sự:

Anh N1 hiện đang ở nước ngoài, không rõ địa chỉ cụ thể nhưng gia đình xác nhận anh vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình. Tòa án đã tiến hành niêm yết và tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh N1 thông qua bố mẹ đẻ anh N1 là ông Đinh Công V, bà Hoàng Thị B. Chị Hứa Thị N đang lao động ở nước ngoài nhưng Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho chị N thông qua ông Bùi Tiến Đ1, là người đại diện theo ủy quyền giao, nhận tài liệu cho chị N. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đinh Công V, bà Hoàng Thị B đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị N, anh N1, ông V, bà B là đúng quy định.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của chị Hứa Thị N:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Lời khai của chị N phù hợp với ý kiến trình bày của bố mẹ đẻ anh N1 và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó có cơ sở xác định cuộc sống hôn nhân giữa chị N và anh N1 có mâu thuẫn, không quan tâm tới nhau, đã sống ly thân nhiều năm, mâu thuẫn đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Hứa Thị N, xử cho chị N được ly hôn với anh Đinh Văn N1.

[3.2] Về con chung: Chị Hứa Thị N và anh Đinh Văn N1 có 01 con chung là cháu Đinh Đức T, sinh ngày 20/01/2015. Khi ly hôn cháu T muốn ở cùng ai chị N sẽ tôn trọng theo nguyện vọng của cháu. Cháu T có nguyện vọng muốn ở cùng bố vì vậy cần giao cháu Đinh Đức T cho anh Đinh Văn N1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Nhưng do anh N1 đang ở nước ngoài và hiện nay cháu T đang ở cùng ông Đinh Công V và bà Hoàng Thị B tại thôn T, xã H, huyện C, tỉnh Tuyên Quang để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu T, cần tạm giao cháu T cho ông Đinh Công V và bà Hoàng Thị B cùng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi anh Đinh Văn N1 về Việt Nam. Chị Hứa Thị N được quyền đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung khi ly hôn.

[3.3] Về tài sản chung, vay nợ chung và các nghĩa vụ tài chính khác: Chị Hứa Thị N xác định không có và không đề nghị Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Hứa Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Đinh Văn N1 không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 38, khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147; Điều 179; các khoản 2, 4 Điều 207; các Điều 228, 238, 266, 271, 273, 469, 474, 478, 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Hứa Thị N, cho chị Hứa Thị N được ly hôn với anh Đinh Văn N1 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 61/2013 cấp ngày 28/11/2013 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

2. Về con chung: Giao cháu Đinh Đức T, sinh ngày 20/01/2015 cho anh Đinh Văn N1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Hứa Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn. Chị Hứa Thị N được quyền đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung khi ly hôn.

Hiện nay anh Đinh Văn N1 đang ở nước ngoài, tạm giao cháu Đinh Đức T cho ông Đinh Công V và bà Hoàng Thị B cùng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi anh Đinh Văn N1 về Việt Nam.

3. Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị Hứa Thị N xác định không có và không đề nghị giải quyết, nên không xem xét.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Hứa Thị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0000096 ngày 16 tháng 10 năm 2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang. Chị N đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm. Anh Đinh Văn N1 không phải chịu án phí.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Hứa Thị N và anh Đinh Văn N1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 (một) tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai. Ông Đinh Công V và bà Hoàng Thị B

được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Cục THA dân sự tỉnh;
- UBND xã Hòa Phú, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phúc An Hoành

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Thanh Nguyễn Thị Tâm

Phúc An Hoàn